

# THỰC TRẠNG VỀ KĨ NĂNG THIẾT KẾ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG CỦA GIÁO VIÊN MẦM NON HIỆN NAY

**TS. TRỊNH THÚY GIANG**

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

## 1. Đặt vấn đề

Hiện nay, giáo dục kĩ năng sống (KNS) đã trở thành một bộ phận quan trọng cấu thành chất lượng giáo dục ở các bậc học [1]. Đối với độ tuổi đang “học ăn, học nói” như trẻ mầm non, việc dạy trẻ những KNS đơn giản, phù hợp với độ tuổi là hết sức quan trọng và cần thiết. Do vậy, sau khi chương trình giáo dục mầm non mới ra đời, các trường mầm non trong cả nước đã và đang tiến hành giáo dục KNS cho trẻ và coi đây là một trong các nội dung giáo dục quan trọng của bậc học [2].

Tổ chức hoạt động giáo dục nói chung và giáo dục KNS nói riêng ở các bậc học như thế nào để đạt được hiệu quả như mong muốn là vấn đề cũng đang được Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng các nhà trường quan tâm. Một vấn đề mà giáo viên (GV) mầm non nào cũng đều biết và coi đây là một công đoạn không thể thiếu khi tổ chức hoạt động giáo dục KNS cho trẻ là muốn tổ chức được một hoạt động giáo dục KNS, trước hết cần lên kế hoạch cho chính hoạt động đó, trong đó phải xác định rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục KNS cho trẻ. Tuy nhiên, thực tế của vấn đề này như thế nào tại các trường mầm non hiện nay, vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu về nó. Trong bài viết này, chúng tôi nghiên cứu thực trạng thiết kế hoạt động giáo dục KNS của GV mầm non thành phố Hà Nội, từ đó đề xuất những khuyến nghị cho các trường và GV mầm non trong việc nâng cao chất lượng giáo dục nói chung và chất lượng giáo dục KNS cho bậc học này hiện nay.

## 2. Khái quát về KNS, giáo dục KNS, kĩ năng thiết kế hoạt động giáo dục KNS

### 2.1. Khái quát về KNS

Có nhiều định nghĩa khác nhau về KNS. Theo quan điểm của Tổ chức Y tế thế giới (WHO): *KNS là năng lực của tâm lí xã hội, là khả năng ứng phó một cách hiệu quả của cá nhân với những yêu cầu và thách thức của cuộc sống* [3]. Quan điểm này được nhiều nhà khoa học và nhà hoạt động xã hội sử dụng nhiều hơn cả bởi lẽ nó nói lên được nhiều nhất bản chất tâm lí - xã hội, bản chất tâm lí - giáo dục của KNS - là khả năng của một cá nhân để duy trì một trạng thái khỏe mạnh về mặt tinh thần, biểu hiện qua các hành vi phù hợp và tích cực, khi tương tác với người khác, với nền văn hóa và môi trường xung quanh. Mặt khác, năng lực tâm lí xã hội có vai trò quan trọng trong việc phát huy sức khỏe theo nghĩa rộng nhất về thể chất, tinh thần và xã hội nhằm đáp ứng và đối phó với những yêu cầu và thách thức của cuộc sống hàng ngày.

Như vậy, KNS vừa mang tính cá nhân vừa mang tính xã hội. KNS mang tính cá nhân vì đó là năng lực của cá nhân. KNS còn mang tính xã hội vì trong mỗi một giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội, ở mỗi vùng miền lại đòi hỏi mỗi cá nhân có những KNS thích hợp. KNS không phải chỉ đối phó với căng thẳng, giải quyết những vấn đề tệ nạn xã hội mà nó còn giúp nâng cao chất lượng cuộc sống của con người.

### 2.2. Khái quát về giáo dục KNS

Giáo dục KNS sẽ giúp người học, đặc biệt là trẻ em biết tự chăm sóc và bảo vệ bản thân, tránh khỏi những nguy hiểm. Trẻ có thể hoà nhập nhanh với cuộc sống xung quanh, trẻ biết cách phát triển các mối quan hệ với mọi người, với thiên nhiên, từ đó học hỏi và làm giàu có thêm vốn kiến thức, kinh nghiệm cũng như các kĩ năng của bản thân. Khi được trang bị những KNS phù hợp, trẻ có cơ hội để phát triển nhân cách đầy đủ và đúng hướng. Căn cứ vào bản chất, đặc điểm của giáo dục nhân cách nói chung và đặc trưng của KNS nói riêng, chúng tôi cho rằng: *Giáo dục KNS là quá trình giáo dục có mục đích, có kế hoạch, có nội dung, có phương pháp và hình thức tổ chức đặc thù, nhằm hình thành và phát triển KNS cần thiết cho cá nhân trong những thời điểm phát triển xã hội nhất định.*

### 2.3. Khái quát kĩ năng thiết kế hoạt động giáo dục

Hiện nay, phát triển chương trình giáo dục là một trong những năng lực quan trọng cần có của người GV, trong đó đặt ra yêu cầu về kĩ năng thiết kế, điều chỉnh, bổ sung...cho một chương trình hoạt động giáo dục. Quá trình thiết kế hoạt động giáo dục là quá trình người GV phải lên kế hoạch cho một hoạt động giáo dục. Trong bản kế hoạch ấy là sự thể hiện mục tiêu, nội dung, phương pháp, cách thức tổ chức hoạt động giáo dục [4]. Hoạt động giáo dục KNS ở mầm non thông thường được tích hợp trong các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ của GV [5]. Tuy nhiên, người GV cũng có thể tiến hành các hoạt động giáo dục KNS cho trẻ một cách riêng biệt mà không cần phải tích hợp với các hoạt động giáo dục khác. Như vậy, chúng tôi cho rằng: *Kĩ năng thiết kế hoạt động giáo dục KNS là việc GV lên kế hoạch cho hoạt động giáo dục KNS, trong đó thể hiện chủ đề của hoạt động, mục tiêu, nội dung, phương pháp, cách thức tổ chức hoạt động trong những điều kiện nhất định.*

Để tổ chức một hoạt động giáo dục nói chung, người GV phải tuân thủ những nguyên tắc giáo dục nhất định. Căn cứ vào các nguyên tắc giáo dục [6] và nguyên tắc giáo dục KNS [3], khi thiết kế hoạt động giáo dục KNS cho trẻ mầm non, các GV phải chú ý những yêu cầu sau:

*Yêu cầu 1:* Hoạt động giáo dục KNS phải mang tính trải nghiệm. Do vậy, khi thiết kế hoạt động giáo dục KNS, cần chú ý xác định chủ đề (tên) của hoạt động. Chủ đề hay tên của hoạt động cần hay, hấp dẫn, gắn liền với tình huống của thực tiễn cuộc sống và hiểu biết của trẻ;

*Yêu cầu 2:* Hoạt động giáo dục KNS phải là hoạt động giáo dục mang tính tương tác. Do vậy, khi thiết kế hoạt động này, cần chú ý đến môi trường, bối cảnh của hoạt động, các chủ thể tham gia vào hoạt động, cũng như hiệu ứng của sự tương tác đó là gì;

*Yêu cầu 3:* Hoạt động giáo dục KNS phải khai thác được những cảm xúc và trải nghiệm của trẻ. Do vậy, khi



thiết kế hoạt động giáo dục KNS cho trẻ, cần lồng ghép những câu chuyện cảm động, những câu hỏi tự vấn trong mỗi câu chuyện giáo dục nhằm tác động đến xúc cảm, tạo ấn tượng mạnh cho trẻ;

**Yêu cầu 4:** Hoạt động giáo dục KNS phải giúp trẻ có được hoặc thay đổi hành vi ứng xử phù hợp. Vì vậy, hoạt động KNS phải được thể hiện thành những hành vi cụ thể, sinh động, gắn liền với từng tình huống cụ thể thì trẻ mới có thể tiếp nhận được những hành vi ấy và hình thành hành vi mới một cách dễ dàng;

**Yêu cầu 5:** Hoạt động giáo dục KNS phải được thực hiện một cách tuần tự, đảm bảo cho việc tiếp nhận sự giáo dục của người lớn của trẻ diễn ra theo đúng quy luật tâm lí. Do vậy, hoạt động giáo dục KNS cần được thiết kế và thực hiện sao cho phù hợp với đặc điểm tâm – sinh lí của trẻ, theo đúng quy trình, trong đó xác định rõ mục tiêu và các thông điệp giáo dục KNS, nội dung giáo dục KNS, phương pháp và cách thức tổ chức giáo dục KNS.

**Yêu cầu 6:** Thiết kế hoạt động giáo dục KNS cần theo quy trình nhất định:

**Quy trình thiết kế hoạt động giáo dục KNS:** Căn cứ vào quy trình thiết kế một hoạt động giáo dục nói chung [4], quy trình phát triển chương trình giáo dục [2], quy trình thiết kế một hoạt động giáo dục KNS diễn ra theo các bước sau: Bước 1: Xác định tên (chủ đề) hoạt động hoặc hoạt động giáo dục KNS; Bước 2: Xác định mục tiêu giáo dục KNS hoặc xác định thông điệp giáo dục KNS (nếu tích hợp giáo dục KNS vào các hoạt động giáo dục khác); Bước 3: Xác định nội dung của hoạt động; Bước 4: Xác định phương pháp, cách thức tổ chức hoạt động và điều kiện tiến hành hoạt động; Bước 5: Xác định yêu cầu kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động.

**Yêu cầu 7:** Với quy trình trên, cấu trúc nội dung của bản thiết kế hoạt động giáo dục bao gồm các nội dung cơ bản và được sắp xếp theo trình tự sau:

**Tên của hoạt động**

1. Mục tiêu của hoạt động
2. Nội dung của hoạt động
3. Phương pháp và cách thức tiến hành hoạt động
4. Điều kiện tiến hành hoạt động
5. Đánh giá kết quả hoạt động

Trên đây là những yêu cầu khi thiết kế hoạt động giáo dục KNS cho trẻ. Để tìm hiểu xem thực tế, GV mầm non tiến hành thiết kế hoạt động giáo dục KNS cho trẻ như thế nào, chúng tôi tiến hành khảo sát thực trạng này tại các trường mầm non thành phố Hà Nội.

**3. Thực trạng thiết kế hoạt động giáo dục KNS của GV mầm non**

Nhằm đánh giá thực trạng thiết kế hoạt động giáo dục KNS của GV mầm non, chúng tôi tiến hành khảo sát 842 GV của hơn 20 trường mẫu giáo nội và ngoại thành Hà Nội bằng các phương pháp sau: phương pháp điều tra giáo dục: xây dựng và sử dụng bảng hỏi xung quanh các vấn đề về hoạt động giáo dục và thiết kế các hoạt động giáo dục KNS của các GV; phương pháp đàm thoại: trò chuyện với GV mầm non về các nội dung có liên quan đến việc thiết kế các hoạt động giáo dục KNS để tìm hiểu kĩ năng đó của họ; phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động giáo dục: nghiên cứu các giáo án thiết kế cho các hoạt động giáo dục KNS và tích hợp giáo dục KNS của các GV mầm non thành phố Hà Nội để tìm hiểu về cấu trúc, nội dung của nó, qua đó khẳng

định thêm về kĩ năng thiết kế các hoạt động giáo dục KNS của họ.

Lượng hóa thông tin thu được bằng phần mềm SPSS 13.0 for Window, kết quả nghiên cứu như sau:

**3.1. Nguyên tắc thiết kế hoạt động giáo dục KNS của GV mầm non thành phố Hà Nội**

Chúng tôi tiến hành khảo sát trên phiếu hỏi với 842 GV mầm non thành phố Hà Nội về nguyên tắc thiết kế hoạt động giáo dục KNS của họ, kết quả được tổng kết trong bảng 1 dưới đây:

*Bảng 1: Nguyên tắc thiết kế hoạt động giáo dục KNS của GV mầm non thành phố Hà Nội*

STT	Các nguyên tắc thiết kế	Số lượng	%
1	Theo mẫu quy định chung	479	56.89
2	Theo mẫu riêng của cá nhân	321	38.12
3	Có thiết kế nhưng không theo mẫu nào	42	4.99
4	Không cần phải thiết kế	0	0.0
<b>Tổng</b>		842	100

Bảng trên cho thấy, tất cả các GV mầm non đều thiết kế các hoạt động giáo dục KNS trước khi tiến hành giáo dục KNS cho trẻ mẫu giáo, trong đó 56,89% GV thiết kế hoạt động giáo dục KNS theo mẫu quy định. Tuy nhiên, có 4,99% GV thiết kế hoạt động giáo dục KNS không theo một mẫu nào, số còn lại thiết kế theo mẫu riêng của cá nhân. Để nghiên cứu xem các mẫu GV mầm non thường dùng để thiết kế hoạt động giáo dục KNS cho trẻ có cấu trúc như thế nào, chúng tôi tiếp tục nghiên cứu nội dung dưới đây.

**3.2. Cấu trúc của bản thiết kế hoạt động giáo dục KNS của GV mầm non thành phố Hà Nội**

Để nghiên cứu vấn đề này, chúng tôi sử dụng câu hỏi: Đồng chí hãy sắp xếp theo trình tự các nội dung dưới đây sao cho giống với bản thiết kế hoạt động giáo dục KNS của đồng chí? Kết quả được tổng hợp trong bảng 2 trang 37.

Số liệu trong bảng 2 cho thấy: 1/ Một nửa số GV (50,36%) cho rằng bản thiết kế hoạt động giáo dục KNS của bản thân giống với mẫu thiết kế, nhưng chỉ có 49,76% GV sắp xếp trình tự cấu trúc bản thiết kế giống như mẫu; 2/ Một nửa GV còn lại (49.64%) cho rằng bản thiết kế hoạt động giáo dục KNS của bản thân không giống và gần giống với mẫu thiết kế, điều này dẫn tới 50,24% số GV sắp xếp trình tự cấu trúc không giống với mẫu thiết kế.

Như vậy, số GV mầm non thiết kế hoạt động giáo dục KNS theo mẫu giống như phần trình bày tại mục 2 của bài viết chiếm tỉ lệ trung bình.

Chúng tôi tiếp tục đi sâu tìm hiểu về kĩ thuật thiết kế hoạt động giáo dục KNS qua việc sử dụng câu hỏi tiếp theo trong bảng hỏi về những nội dung họ đã lưu ý trong bản thiết kế hoạt động giáo dục KNS, kết quả thu được thể hiện trong bảng 3 trang 37.

**3.3. Những mục trong cấu trúc nội dung của bản thiết kế được GV mầm non thành phố Hà Nội lưu ý**

Số liệu trong bảng 3 cho thấy, các phần trong cấu trúc của bản thiết kế được GV chú trọng nhiều nhất đó là phần nội dung của hoạt động giáo dục KNS (có tới 94,77% GV chú trọng đến phần này).

**Bảng 2: Kết quả so sánh giữa thiết kế hoạt động giáo dục KNS của GV mầm non theo mẫu và theo bản thiết kế của riêng GV**

TT	Cấu trúc của bản thiết kế mẫu	Khảng định(%)			Sắp xếp (%)	
		Giống	Gần giống	Không giống	Đúng	Sai
1	Tên của hoạt động	50.36	44.66	4.98	49.76	50.24
2	Mục tiêu của hoạt động					
3	Thông điệp giáo dục KNS					
4	Nội dung của hoạt động					
5	Chuẩn bị của GV và trẻ					
6	Tiến trình hoạt động					
7	Các lực lượng tham gia, điều kiện, phương tiện					
8	Kết quả giáo dục và giáo dục KNS cần đạt					
9	Tổng kết, đánh giá hoạt động					

**Bảng 3: Lưu ý trong thiết kế hoạt động giáo dục KNS của GV mầm non**

STT	Trình tự thiết kế	Đã lưu ý		Không lưu ý	
		Số lượng	%	Số lượng	%
1	Tên của hoạt động	102	12.11	740	87.89
2	Mục tiêu của hoạt động	403	47.86	439	52.14
3	Thông điệp giáo dục KNS	69	8.19	773	91.81
4	Nội dung của hoạt động	798	94.77	44	5.23
5	Chuẩn bị của GV và trẻ	337	40.02	505	59.98
6	Tiến trình hoạt động	316	37.53	526	62.47
7	Các lực lượng tham gia, điều kiện, phương tiện	118	14.01	724	85.99
8	Kết quả giáo dục và giáo dục KNS cần đạt	196	23.28	646	76.72
9	Tổng kết, đánh giá hoạt động	111	13.18	730	86.82

**Bảng 4: Kết quả đánh giá**

TT	Các mức độ đạt được	Kết quả	
		Số lượng	%
1	Kĩ năng thiết kế rất tốt	96	11,40
2	Kĩ năng thiết kế tốt	98	11,64
3	Có kĩ năng thiết kế	228	27,08
4	Không có kĩ năng thiết kế	420	49,88
<b>Tổng</b>		842	100

Các nội dung sau trong cấu trúc của bản thiết kế không có hoặc không được nhiều GV lưu ý là: Có tới 91,81% GV không lưu ý tới xác định thông điệp giáo dục KNS; Có 87,89% GV không lưu ý tới việc xác định tên của hoạt động; Có 85,99% GV không lưu ý đến xác định các điều kiện, phương tiện cho hoạt động; Có 76,72% GV không lưu ý đến xác định kết quả giáo dục KNS cần đạt; Có 66,82% GV không lưu ý đến việc tổng kết, đánh giá hoạt động trong quá trình thiết kế hoạt động giáo dục KNS;

- Số GV không lưu ý đến việc xác định mục tiêu

của hoạt động, chuẩn bị của cô và trẻ, tiến trình hoạt động cũng chiếm tỉ lệ trung bình, tỉ lệ ý chênh lệch giữa lưu ý các này là không đáng kể.

Với các số liệu trên cho thấy, bản thiết kế hoạt động giáo dục KNS của GV mầm non chưa đạt được yêu cầu của một bản thiết kế hoạt động giáo dục KNS. Mức độ ưu tiên các phần của bản thiết kế chưa hợp lí.

**Nhận xét chung về thực trạng:**

Qua khảo sát thực trạng thiết kế hoạt động giáo dục KNS của GV mầm non thành phố Hà Nội, chúng tôi rút ra một số nhận xét sau:

- 100% GV mầm non thành phố Hà Nội đã từng tiến hành thiết kế hoạt động giáo dục KNS, hơn 50% trong số đó đã thiết kế theo mẫu quy định của hoạt động giáo dục. Số còn lại không thiết kế theo mẫu;

- Hơn 50% GV nhận dạng đúng bản thiết kế mẫu và sắp xếp theo đúng cấu trúc nội dung của bản thiết kế;

- Trong quá trình thiết kế hoạt động giáo dục, chủ yếu các GV chú trọng nhiều đến việc xác định nội dung của hoạt động. Phần còn lại của bản thiết kế như: mục tiêu của hoạt động, tiến trình hoạt động, chuẩn bị của GV, xác định kết quả giáo dục KNS, kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động không được nhiều GV chú ý. Điều này đặt ra sự không hợp lí trong nội dung của bản thiết kế và sẽ hạn chế đến kết quả của hoạt động giáo dục KNS.

**4. Đánh giá thực trạng kĩ năng thiết kế hoạt động giáo dục KNS của GV mầm non thành phố Hà Nội**

Trên cơ sở các thông tin và số liệu thu được về thực trạng nêu trên, chúng tôi đánh giá kĩ năng thiết kế hoạt động giáo dục KNS của GV mầm non thành phố Hà Nội như bảng 4.

Kết quả thống kê trong bảng trên cho thấy, số GV có kĩ năng thiết kế hoạt động giáo dục KNS chiếm tỉ lệ 50,12%, trong đó có 11,40 GV có kĩ năng rất tốt, 11,64% GV có kĩ năng tốt. Có tới 49,88% GV chưa có kĩ năng thiết kế hoạt động giáo dục KNS.

Như vậy, còn khoảng một nửa GV mầm non thành phố Hà Nội chưa có kĩ năng thiết kế hoạt động giáo dục KNS. Với con số như vậy sẽ ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả giáo dục KNS nói riêng và chất lượng giáo dục nói chung.

**5. Kết luận**

Với kết quả khảo sát và đánh giá trên cho thấy, cần thiết phải nâng cao kĩ năng thiết kế hoạt động giáo dục KNS cho GV mầm non. Các trường mầm non cần chú ý đến việc bồi dưỡng, nâng cao năng lực giáo dục KNS cho các GV, trong đó tổ chức các khóa học về kĩ năng thiết kế các hoạt động giáo dục KNS nhằm nâng cao chất lượng giáo dục KNS và chất lượng giáo dục mầm non hiện nay.



**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục, (2005), *Giáo dục kĩ năng sống ở Việt Nam*, UNESCO Hà Nội.

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2009), *Chương trình giáo dục mầm non*, Hà Nội

[3]. Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thị Thu Hà, Trịnh Thúy Giang, (2014), *Giáo trình chuyên đề giáo dục kĩ năng sống*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[4]. Trần Khánh Đức, (2010), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực thế kỉ XXI*, NXB Giáo dục Việt Nam.

[5]. Ngô Thị Hợp, Nguyễn Thị Bích Hạnh, (2010), *Những kiến thức ban đầu hình thành kĩ năng sống cho trẻ mầm non*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[6]. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên), (2006), *Giáo dục học tập 2*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội

[7]. Trịnh Thúy Giang, (2013), *Tâm lí học giáo dục và vấn đề cải thiện môi trường giáo dục kĩ năng sống cho trẻ mẫu giáo*, Hội thảo khoa học Tâm lí học và vấn đề cải thiện môi trường giáo dục hiện nay, Hội Tâm lí - Giáo dục học Việt Nam, Cần Thơ, Tr. 105-111.

[8]. Thái Hà, (2009), *An toàn cho bé mọi lúc, mọi nơi - khi ở ngoài*, NXB Phụ nữ.

[9]. Huỳnh Văn Sơn, (2009), *Nhập môn khoa học kĩ năng sống*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[10]. Nguyễn Ánh Tuyết, (2005), *Giáo dục mầm non - những vấn đề lí luận và thực tiễn*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

**SUMMARY**

How to organize effectively educational activity in general and life skill in particular at different education levels is a matter of concern from Ministry of Education and Training and schools. After implementing new preschool programs (2009), its education of life skill still lacks researches, especially the study of teachers' life skill education. The article specified preschool teachers' designed skill of life-skill activities, then making factual basis for nursery schools to apply appropriate measures in order to improve quality of life-skill education in particular and education in general at this education level.

**Keywords:** Life skill, preschool teachers, educational activity.

**XU HƯỚNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ... (Tiếp theo trang 20)**

Như vậy, nội dung trình bày ở bảng 2 trang 20 là những định hướng quan trọng để xác định những "chuẩn" kĩ năng công nghệ cần được hình thành và phát triển ở giáo sinh và GV. Đây cũng là định hướng để từng cá nhân GV và đơn vị giáo dục xây dựng lộ trình phát triển chuyên môn về ứng dụng CNTT trong dạy học một cách hợp lí và logic.

**3. Kết luận**

- Việc xác định các xu hướng ứng dụng CNTT trong dạy học là rất đa dạng, phụ thuộc vào tiêu chí phân loại, sắp xếp mà tác giả sử dụng. Song, trong những xu hướng ứng dụng đã được xác định, các tác giả lại chưa chỉ ra mối quan hệ giữa từng xu hướng với kĩ năng công nghệ cần đạt được ở GV;

- Chúng tôi đã sử dụng cách tiếp cận mới trong việc xác định các xu hướng ứng dụng CNTT trong dạy và học, đó là đặt CNTT trong mối quan hệ tương tác với người dạy và người học. Theo đó, hiện nay có ba xu hướng ứng dụng CNTT trong dạy và học. Căn cứ vào ba xu hướng này, chúng tôi đã đề xuất một số kĩ năng công nghệ và kĩ năng nghiệp vụ cần có đối với GV để làm cơ sở lí thuyết cho việc bồi dưỡng, đào tạo GV và giáo sinh các kĩ năng này.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

[1]. Guillermo E. Pedroni, (1996), *The Importance of The World Wide Web in Education K-12*, Submitted as final requirement for the MSE at Southern Illinois University at Edwardsville.

[2]. Vicki Sharp, (1999), *Computer Education for Teachers* (Third Edition), McGraw-Hill College, USA.

[3]. Tô Xuân Giáp, (1997), *Phương tiện dạy học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[4]. Đông Thị Bích Thủy, (2011), *Đào tạo từ xa qua mạng: Những đặc trưng trong thời đại công nghệ ngày nay*, Tạp chí Khoa học Giáo dục Kĩ thuật, TP. Hồ Chí Minh.

[5]. ISTE, (2000), *National Educational Technology Standards (NETS) and Performance Indicators for Teachers*, International Society for Technology in Education, www.iste.org, USA.

[6]. Nguyễn Văn Hiên, (2009), *Hình thành cho sinh viên kĩ năng sử dụng CNTT để tổ chức bài dạy Sinh học, luận án tiến sĩ giáo dục học.*

[7]. UNESCO, (2005), *Regional Guidelines on Teacher Development for Pedagogy-Technology Integration (Working Draft)*, UNESCO Bangkok, Thailand.

[8]. Gerry White, (2005), *Beyond the horseless carriage: Harnessing the potential of ICT in education and training*, Education.au limited.

**SUMMARY**

In this article, the author focused on answering the following questions: Currently, in which direction is information technology being applied in education and training? What are requirements for teachers in terms of technological and professional skills in each application direction? Accordingly, the author has developed three application-oriented model of information technology in teaching - learning: 1/Information Technology is teachers' means; 2/Information Technology is a means of both teachers and students; 3/Information Technology seems be only a means of student's learning, the virtual learning environment. Then, the author analyzed the specific requirements in terms of technological and professional skills required for teachers that correspond with three directions in information technology application, provided theoretical ground for training teachers' skills.

**Keywords:** Education and training, information technology, teacher.